TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2018/HSST
Ngày: 14/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

2/ Bà Phan Thanh Minh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Quỳnh Nga.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 202/2018/HSST ngày 04/4/2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2060/2018/QĐXXST-HS ngày 03/5/2018 đối với bị cáo:

Lê Tấn T; giới tính: Nam; sinh năm: 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 01 A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Như trên; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị E; hoàn cảnh gia đình: Có vợ là Lưu Hoàng Thị Ngọc M; tiền sự: Không; tiền án: 03 (Ngày 09/6/2010 bị Tòa án nhân dân Quận 1 xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản theo Bản án số 81/2010/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2012; ngày 17/4/2013 bị Tòa án nhân dân Quận 4 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 41/2013/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/4/2014; ngày 24/9/2014 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 421/2014/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2016).

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 29/7/2017 (Có mặt)

Bị hại:

1/ Bà **JR**, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Chỗ ở: Số 02 F, Phường G, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà **Nguyễn Thị I**, sinh năm 1996. (Vắng mặt)

Chỗ ở: 03 K, Phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, Lê Tấn T đã thực hiện 02 vụ cướp giật trên địa bàn Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vụ thứ nhất:

Vào khoảng 20 giờ ngày 03/7/2017, Lê Tấn T điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 54T5-2676 chở đối tượng H "mập" (chưa rõ lai lịch) đi lòng vòng trên các tuyến đường của Quận C tìm người có tài sản để cướp giật. Khi lưu thông đến trước nhà số 04 B, Phường B, Quận C thì phát hiện bà JR đang đứng đón taxi, trên tay đang sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 5S. T điều khiển xe gắn máy chạy ngang qua áp sát trước mặt bà JR để H "mập" ngồi sau dùng tay phải giật chiếc điện thoại Iphone 5S của bà JR rồi tăng ga tẩu thoát. Sau khi nghe bà JR truy hô, anh Phan Ngọc N là người đi đường chứng kiến sự việc và đuổi theo. Đến giao lộ X và Y thì H "mập" nhảy xuống xe chạy bộ vào Công viên Z tẩu thoát mang theo cả điện thoại di động còn T quay đầu xe định bỏ chạy thì bị anh Phạm Lê Huỳnh O là cán bộ Đội cảnh sát giao thông Công an Quận C đang trên đường tuần tra phát hiện, hỗ trợ anh Phan Ngọc N bắt giữ T giao cho Công an Phường B, Quận C lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ xe gắn máy biển số 54T-2676.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận C, Lê Tấn T khai nhận hành vi cướp giật tài sản cùng đồng bọn như đã nêu trên. Do chưa bắt được H "mập" và không thu hồi được điện thoại di động hiệu Iphone 5S của bà JR nên ngày 04/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận C đã trả tự do cho T.

Theo Công văn số 9445 ngày 30/11/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự cấp Thành phố Hồ Chí Minh đã từ chối định giá tài sản là 01 điện thoại di động Iphone 5S của bà JR do không đủ thông tin.

Vụ thứ hai:

Vào khoảng 03 giờ 15 phút ngày 29/7/2017, T điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius, biển số 72C1-120.10 chở P "nhóc" lưu thông trên đường, khi đến trước nhà số 05 A, Phường B, Quận C thì phát hiện bà I có đeo túi xách trước bụng (bên trong có 01 CMND mang tên Nguyễn Thị I, 370.000 đồng và 300 USD). Lúc này, T điều khiển xe gắn máy áp sát từ phía sau bên phải của bà I để P "nhóc" ngồi sau dùng tay giật túi xách của bà I nhưng bị bà I giằng lại làm túi xách rơi xuống đường. T điều khiển xe chở P "nhóc" bỏ chạy đến trước hẻm số 06 A, Phường B, Quận C thì bị ngã xe. T và P "nhóc" bỏ xe chạy bộ thì bị anh Nguyễn Tấn Linh, Phạm Minh Quân, Nguyễn Bảo An, Nguyễn Văn Nguyên Ngọc (là cán bộ Công an Thành phố Hồ Chí Minh) đang trên đường tuần tra, chứng kiến sự việc nên đuổi theo bắt giữ T giao Công an Phường B, Quận C lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, riêng P "nhóc" chạy thoát.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Lê Tấn T đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Theo Bản kết luận số 156/KLĐGTS ngày 05/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 1 thì 01 túi xách màu nâu có hoa văn có trị giá là 300.000 đồng. Theo tỷ giá USD/VND vào ngày 29/7/2017 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, 300 USD mà Lê Tấn T cùng đồng bọn cướp giật được của bà I có trị giá 6.802.500 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 túi xách màu nâu hoa văn bên trong có: 01 CMND mang tên Nguyễn Thị I, 370.000 đồng và 300 USD, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã trả lại cho bà Nguyễn Thị I (bút lục 84).

Thu giữ của Lê Tấn T:

- 01 quần dài.
- 01 sơ mi dài tay màu trắng xanh.
- 01 điện thoại di động hiệu LG E455 màu đen có số imei 1: 355672051371570, số imei 2: 813281125609225.
- 01 điện thoại di động hiệu Mobell M328 có số imei 1: 813286112509225, số imei 2: 813281125609225.
- 01 xe máy hiệu Honda Wave biển số 54T5-2676, số khung: RLHJC4325AY525686, số máy: JC43E-5630604. Qua giám định số khung, số máy còn nguyên thuỷ, xe do ông Nguyễn Văn Q đứng tên chủ sở hữu. Ông Q là chú ruột của Lê Tấn T. Năm 2015, ông Tài chết, chiếc xe trên được giao lại cho

gia đình Lê Tấn T sử dụng. Việc T sử dụng xe để đi cướp giật tài sản, gia đình T hoàn toàn không biết.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius mang biển số 72C1-120.10 có số khung: RLCS5C630-BY509454, số máy: 5C63-509509. Qua giám định, số khung, số máy còn nguyên thuỷ, xe do bà Nguyễn Ngọc Bảo S (hộ khẩu thường trú: 30/4 a, Phường b, Thành phố Vũng Tàu) đứng tên chủ sở hữu. Bà S khai đứng tên xe gắn máy trên dùm ông Đinh Công V (hộ khẩu thường trú: Xã c, huyện d, tỉnh Đak Lak). Ông V khai khoảng 09 giờ ngày 18/6/2017, khi đang đánh bóng lư hương tại Đài liệt sĩ phường e, Thành phố Vũng Tàu thì bị mất xe. Ngày 22/8/2017, ông V tới Công an phường e, Thành phố Vũng Tàu trình báo. Ngày 12/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã bàn giao xe máy trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Vũng Tàu.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà JR yêu cầu trả lại 01 điện thoại Iphone 5S bị chiếm đoạt.

Bà Nguyễn Thị I đã nhận lại tài sản bị cướp giật và không yêu cầu bồi thường gì khác.

Bản cáo trạng số 133/CT-VKS-P2 ngày 02/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Tấn T về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Lê Tấn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bản cáo trạng đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Đồng thời, sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Tấn T từ 05 năm đến 06 năm tù về tội "Cướp giật tài sản".

Bị cáo không tự bào chữa, lời nói sau cùng xin được xử mức án nhẹ để sớm trở về với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về hành vi của bị cáo:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, từ đó xác định được: Khoảng 20 giờ ngày 03/7/2017, tại trước nhà số 04 B, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, Lê Tấn T điều khiển xe gắn máy chở đối tượng H "mập" (chưa rõ lai lịch) thực hiện hành vi cướp giật một chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5S của bà JR rồi nhanh chóng tẩu thoát. Sau đó, lực lượng công an chỉ bắt được Lê Tấn T. Do chưa bắt được H "mập" là đồng phạm thực hiện hành vi cướp giật và không thu hồi được điện thoại di động trên nên ngày 04/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận C đã trả tự do cho T. Đến khoảng 03 giờ 15 phút ngày 29/7/2017, tại trước nhà số 08 A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, T tiếp tục thực hiện hành vi dùng xe gắn máy để cướp giật 01 túi xách, bên trong có 370.000 đồng và 300 USD của bà Nguyễn Thị I thì bị bắt quả tang. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bà I là 7.472.500 đồng (Theo Kết luận định giá tài sản số 156/KLĐGTS ngày 05/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 1). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu T tội "Cướp giật tài sản" và do bị cáo đã dùng xe máy làm phương tiện phạm tội nên thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. (Theo hướng dẫn tại tiểu mục 5.3 mục 5 phần I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Toà án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp). Đồng thời, bị cáo T đã tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội và ảnh hưởng đến hình ảnh đất nước, con người Việt Nam trong mắt du khách nước ngoài. Khi thực hiện hành vi cướp giật, bị cáo nhận thức rõ việc bị cáo chiếm đoạt tài sản là phạm pháp, bị cáo đã từng bị xử phạt về tội cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn ngang nhiên thực hiện tội phạm, điều đó cho thấy bị cáo xem thường pháp luật, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo T khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, cần áp dụng cho bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Đối với hai đối tượng H "mập" và P "nhóc" (chưa rõ lai lịch) ngồi phía sau trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật chiếc điện thoại Iphone 5S của bà JR và 01 túi xách của bà Nguyễn Thị I, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh truy tìm, khi nào tìm được sẽ làm rõ, truy tố và xử lý sau.

- Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có công việc ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

* Đối với 01 túi xách màu nâu có hoa văn bên trong có: 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị I, 370.000 đồng và 300 USD, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận C đã trả lại cho bà Nguyễn Thị I (bút lục 84). Xét thấy việc giao trả là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

* Đối với 01 quần dài và 01 áo sơ mi dài tay màu trắng xanh là những vật không có giá trị sử dụng nên bị tịch thu và tiêu huỷ theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Đối với 01 điện thoại di động hiệu LG E455 màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Mobell M328 là tài sản cá nhân không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

* Đối với 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius biển số 72C1-120.10 có số khung: RLCS5C630-BY509454, số máy: 5C63-509509. Qua giám định, số khung, số máy còn nguyên thuỷ, xe do bà Nguyễn Ngọc Bảo S đứng tên chủ sở hữu. Bà S khai đứng tên xe gắn máy trên dùm ông Đinh Công V. Ông V khai

khoảng 09 giờ ngày 18/6/2017, khi đang đánh bóng lư hương tại Đài liệt sĩ phường e, Thành phố Vũng Tàu thì bị mất xe. Ngày 22/8/2017, ông V tới Công an phường e, Thành phố Vũng Tàu trình báo. Ngày 12/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã bàn giao xe máy trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Vũng Tàu, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

* Đối với 01 xe máy hiệu Honda Wave biển số 54T5-2676, số khung: RLHJC4325AY525686, số máy: JC43E-5630604. Qua giám định số khung, số máy còn nguyên thuỷ, xe do ông Nguyễn Văn Q đứng tên chủ sở hữu. Ông Q là chú ruột của Lê Tấn T. Năm 2015, ông Q chết, T là người sử dụng chiếc xe này. Do bị cáo Lê Tấn T đã dùng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội nên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Mọi tranh chấp về dân sự đối với chiếc xe này (nếu có) sẽ được giải quyết trong một vụ án dân sự khác.

- Về trách nhiệm dân sự:

* Tại Cơ quan điều tra, bà JR yêu cầu bị cáo trả lại 01 điện thoại Iphone 5S bị chiếm đoạt (bút lục 128, 129). Theo Công văn số 9445 ngày 30/11/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp Thành phố Hồ Chí Minh từ chối định giá tài sản là 01 điện thoại Iphone 5S của bà JR do không đủ thông tin (bút lục 52). Tại Biên bản ghi lời khai ngày 03/7/2017 (bút lục 128, 129), bà JR khai nhận do bà đến Việt Nam để du lịch nên không mang theo các hoá đơn, chứng từ về giá trị chiếc điện thoại di động trên và hiện nay bà JR đã trở về nước. Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, do chưa có chứng cứ chứng minh về giá trị bồi thường thiệt hại và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự nên vấn đề này được tách ra để giải quyết theo theo thủ tục tố tụng dân sự nếu có yêu cầu.

* Bà Nguyễn Thị I đã nhận lại tài sản bị cướp giật và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Tấn T** phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo **Lê Tấn T** 05 (năm) năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 29/7/2017.

Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, tách yêu cầu về bồi thường thiệt hại đối với bị hại bà JR để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự nếu có yêu cầu.

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu và tiêu huỷ 01 quần dài và 01 áo sơ mi dài tay màu xanh.

- Trả cho bị cáo Lê Tấn T 01 điện thoại di động hiệu LG E455 màu đen có số imei 1: 355672-05-137157-0, số imei 2: 355672-05-137158-8 và 01 điện thoại di động hiệu Mobell M328 có số imei 1: 813286112509225, số imei 2: 813281125609225.

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước đối với chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 54T5-2676, số khung: RLHJC4325AY525686, số máy: JC43E-5630604. Mọi tranh chấp về dân sự đối với chiếc xe này (nếu có) sẽ được giải quyết trong một vụ án dân sự khác.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 174/18 ngày 03/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Lê Tấn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm lên Toà phúc thẩm – Toà án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- Cục THADS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Người bị hại (1)
- NCQL,NVLQ (2)
- Phòng PC 53 - CA TPHCM ; (1)
- THAHS ; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (6) (22)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hà